

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2025/DS-ST**
Ngày: 28 - 3 - 2025
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 891/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024, về việc “*Kiện đòi tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXX-DS ngày 25/02/2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Từ P - Sinh năm 1944 và bà Võ Thị Kim A - Sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

Bị đơn: Ông Đinh Quang T - Sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Số I T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng (ông Đinh Quang T là cháu họ), vào ngày 05/8/2016 vợ chồng chúng tôi có cho ông Đinh Quang T vay số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng và tiền lãi sẽ được trả đầu tháng và giữa tháng. Khi cho vay, hai bên có làm giấy mượn tiền, ông T có ký xác nhận vào nội dung giấy mượn tiền. Ông T không thể chấp tài sản gì cho chúng tôi. Về lãi suất từ khi vay đến nay ông T trả cho chúng tôi nhiều lần tiền lãi suất trong năm 2016 với tổng số tiền 4.000.000đồng (không nhớ ngày, tháng, không có giấy biên nhận). Trong giấy vay tiền ghi vợ của ông T là Nguyễn Thị P1 nhưng khi vay tiền thì chúng tôi chỉ cho một mình ông T vay còn không cho chị P1 vay.

Về thời hạn vay: Trong giấy vay tiền ông T hứa khi nào chúng tôi cần số tiền nói trên thì báo trước cho ông T trước 02 tháng. Thời hạn chúng tôi cho ông T vay là thời hạn ngắn trước ngày 30/12/2016 (trước tết năm 2016) là phải trả cho chúng

tôi chứ không phải thời hạn 08 năm. Đến hạn trả nợ chúng tôi có liên lạc với ông T và tết năm 2016 chúng tôi lên nhà ông T để đòi tiền nhưng không gặp ông T và đến đầu năm 2024, chúng tôi tiếp tục yêu cầu ông T trả số tiền vay nhưng ông T không chịu trả. Do nghĩ ông T là cháu nên chúng tôi mới tin tưởng và đến nay mới khởi kiện yêu cầu ông Đinh Quang T trả cho chúng tôi số tiền gốc là 100.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày vay cho đến nay theo mức lãi suất là 1,12%/tháng là 113.600.000đồng (đã làm tròn) trừ 4.000.000đồng tiền lãi đã, như vậy còn phải trả là 109.600.000đồng. Tổng cộng yêu cầu trả cả gốc và lãi là: 209.600.000đồng (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm ngàn đồng). Về đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông T thì chúng tôi không đồng ý, bởi vì trong giấy vay không ghi thời hạn trả.

2. Bị đơn ông Đinh Quang T trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải:

Tôi là cháu họ của ông Từ P và bà Võ Thị Kim A, vào ngày 05/8/2016 tôi có vay của ông Từ P và bà Võ Thị Kim A số tiền 100.000.000đồng để làm ăn riêng. Trong giấy vay tiền ghi vợ của tôi là Nguyễn Thị P1 nhưng chỉ một mình tôi vay còn chị P1 không vay, không biết. Trong giấy vay không ghi thời hạn vay nhưng tôi chỉ vay 03 tháng (ngày 05/11/2016) sẽ trả cho ông P bà A nhưng sau đó tôi làm ăn bị bế nợ nên không có tiền trả cho ông P, bà A. Tết năm 2016 ông P, bà A có đến nhà tôi để đòi số tiền trên nhưng do tôi làm ăn bị bế nợ nên chưa có khả năng trả nợ. Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng và tiền lãi sẽ được trả 02 lần trong tháng là đầu tháng và giữa tháng. Khi nào ông P, bà A cần thì báo trước cho tôi 02 tháng. Khi cho vay, hai bên có làm giấy mượn tiền, tôi có ký xác nhận vào nội dung giấy mượn tiền. Tôi không thể chấp tài sản gì cho ông P, bà A. Tuy nhiên, từ khi vay cho tới nay, do làm ăn khó khăn nên tôi chưa trả được cho ông P, bà A được khoản tiền gốc nào, còn lãi suất thì trong năm 2016 tôi đã trả nhiều lần được số tiền 4.000.000đồng lãi suất (không nhớ ngày, tháng và không có giấy biên nhận). Nay, ông Từ P và bà Võ Thị Kim A khởi kiện buộc tôi phải trả tổng số tiền 209.600.000đồng thì tôi đồng ý trả tiền gốc là 100.000.000đồng, còn tiền nợ lãi còn lại là 109.600.000đồng thì tôi không đồng ý trả. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản từ năm 2016 đến năm 2024 đã hết nên ông P, bà A chỉ được khởi kiện đòi tiền gốc không được đòi tiền lãi suất vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Thời hạn trả nợ: Trả theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay, đây là “Kiện đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Nội dung khởi kiện:

Ngày 05/8/2016 ông P, bà A có cho ông Đinh Quang T vay số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng; Về thời hạn vay: Trong giấy vay tiền ông T hứa khi nào vợ chồng ông P cần số tiền nói trên thì báo trước cho ông T 02 tháng và tết năm 2016 vợ chồng ông P đã đòi tiền ông T nhưng ông T chưa trả cho vợ chồng ông P nên vợ chồng ông P khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Ông T chấp nhận phải trả cho vợ chồng ông P số tiền gốc là 100.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất nên không tiến hành hòa giải được với nhau.

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay gốc, xét thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận: Ngày 05/8/2016 ông P, bà A có cho ông T vay số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4.000.000đồng/tháng. Về thời hạn vay: Trong giấy vay tiền giữa ông T và vợ chồng ông P thể hiện: *“Khi nào cậu vợ cần số tiền nói trên thì báo trước 02 tháng”*. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận trước ngày 30/12/2016 (trước tết năm 2016) vợ chồng ông P đã cần tiền và yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T chưa trả cho vợ chồng ông P. Như vậy cần xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông T là ngày 01/3/2017.

Từ khi vay đến nay ông T chưa trả tiền gốc mà trong năm 2016 ông T mới trả được nhiều lần số tiền lãi suất là 4.000.000đồng lãi suất (không nhớ ngày, tháng và không có giấy biên nhận). Quá trình hòa giải ông T chấp nhận phải trả cho vợ chồng ông P số tiền gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.2]. Về lãi suất: Ông P, bà A yêu cầu tính lãi suất 1,12%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử 28/3/2025 với số tiền 117.861.000đồng – 4.000.000đồng (đã trả) = 113.861.000 đồng.

Xét thấy theo đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông T ngày 30/12/2024, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về tiền lãi suất tại khoản 3 Điều 150 BLDS 2015. Xét thấy, thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản là 03 năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã phân tích ở trên là ngày 01/3/2017. Đến ngày 31/7/2024 ông P, bà A khởi kiện đã quá 03 năm theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông P, bà A chỉ được quyền đòi lại số tiền gốc là 100.000.000đồng còn lãi suất đã hết thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, bà A buộc ông T trả cho ông P bà A số tiền là gốc 100.000.000đồng là phù hợp.

[4]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Quang T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 5.000.000đồng; Ông Từ P, bà Võ Thị Kim A là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 429, Điều 463; Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

-Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ P và bà Võ Thị

Kim A.

Buộc ông Đinh Quang T phải trả cho ông Từ P và bà Võ Thị Kim A số tiền gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Quang T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 5.000.000đồng; Ông Từ P, bà Võ Thị Kim A là người cao tuổi được miễn án phí nên không xem xét.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mai

